

Vận dụng nguyên tắc đối ngoại “Dĩ bất biến, ứng vạn biến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong bối cảnh hiện nay

ThS NGUYỄN THỊ THU HÀ

Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Email: thuha12n@yahoo.com

Nhận ngày 6 tháng 7 năm 2022; chấp nhận đăng tháng 8 năm 2022.

Tóm tắt: Chủ tịch Hồ Chí Minh là Bộ trưởng Bộ Ngoại giao đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và là người sáng lập nền ngoại giao Việt Nam hiện đại. Hoạt động đối ngoại của Đảng, Nhà nước Việt Nam hiện nay tiếp tục kế thừa nền tảng tư tưởng và phương châm chỉ đạo đối ngoại của Bác. “Dĩ bất biến, ứng vạn biến” là sự cô đúc tất cả tư tưởng, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh; trở thành tư tưởng, nguyên tắc chỉ đạo và phương châm ứng xử trong hoạt động đối ngoại của Việt Nam. Vì vậy, việc không ngừng nghiên cứu, học tập, quán triệt và thấm nhuần tư tưởng đối ngoại Hồ Chí Minh sẽ góp phần quan trọng vào hoạch định và triển khai hiệu quả đường lối, chính sách đối ngoại của đất nước, nhất là trong bối cảnh quốc tế, khu vực có những biến động phức tạp, khó lường như hiện nay.

Từ khóa: tư tưởng Hồ Chí Minh; dĩ bất biến ứng vạn biến; đối ngoại Việt Nam.

Abstract: President Ho Chi Minh was the first Minister of Foreign Affairs of the Democratic Republic of Vietnam and the founder of modern Vietnamese diplomacy. Foreign affair activities of the Party and State of Vietnam today continue to inherit his ideological foundation and guidelines. The principle of “keeping calm to cope with unexpected changes” is the condensing of all Ho Chi Minh's thoughts, methods and styles and have become the ideology, guiding principles and motto of conduct in Vietnam's foreign affairs. Therefore, constantly doing research and being fully aware of Ho Chi Minh's foreign policy will make an important contribution to the planning and effective implementation of the country's foreign policy and direction, especially in the international and regional context with complicated and unpredictable changes like today.

Keywords: Ho Chi Minh's thoughts; keeping calm to cope with unexpected changes; Vietnamese foreign affairs.

1. Bối cảnh ra đời nguyên tắc đối ngoại “dĩ bất biến, ứng vạn biến”

Theo lời mời của Chính phủ Cộng hòa Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ dẫn đầu phái đoàn Chính phủ Việt Nam thăm chính thức Cộng hòa Pháp. Đây là chuyến thăm ngoại giao cấp cao đầu tiên của Bác trên cương vị Nguyên thủ quốc gia. Sáng 27.5.1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì cuộc họp Hội đồng Chính phủ thông qua quyết định cử Bộ trưởng Bộ Nội vụ Huỳnh Thúc Kháng tạm thay Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thời gian Bác sang thăm chính thức Pháp. Ngày 29.5.1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 82 về việc ủy nhiệm Bộ trưởng Huỳnh Thúc Kháng giữ Quyền Chủ tịch nước thay Chủ tịch Hồ Chí Minh đi vắng và cử nhân sự thay thế các ông

Hoàng Minh Giám, Phan Anh, Tạ Quang Bửu - thành viên phái đoàn Chính phủ tham dự Hội nghị Pháp - Việt (Hội nghị Fontainebleau).

Chiều 30.5.1946, Bộ trưởng Huỳnh Thúc Kháng mời tiệc trà các thành viên trong hai phái đoàn tại Bắc Bộ phủ phần như để chia tay, phần mong muốn tăng tình đoàn kết và lòng tin giữa quốc dân và phái bộ trước lúc lên đường làm nhiệm vụ. Sau lời chúc thuận buồm xuôi gió, Bộ trưởng Huỳnh Thúc Kháng nhắc nhở các thành viên phái đoàn kết chặt chẽ để đem thắng lợi về cho đất nước, cho nhân dân. Trong tiệc chia tay, Bộ trưởng đọc liền ba bài thơ chữ Hán và một bài chữ Nôm để tặng phái đoàn.

Hôm tiễn Bác và phái bộ Việt Nam sang Paris để tham gia đàm phán với Chính phủ Pháp tại sân bay

Gia Lâm (31.5.1946) có các thành viên thường trực Quốc hội, Chính phủ, đại diện các bộ ngành, đoàn tự vệ, thanh niên, nhi đồng, nhân dân Hà Nội. Bác đi một vòng chào các đại biểu và nhân dân. Nhân dân vây cờ, vỗ tay hoan hô và chen lấn ra phía trước để được nhìn rõ Bác. Sát đến giờ lên máy bay, Bác tới nắm tay Bộ trưởng Huỳnh Thúc Kháng nói: “Tôi vì nhiệm vụ quốc dân giao phó phải ra đi ít lâu, ở nhà trăm sự khó khăn nhờ cậy ở cụ cùng với anh em giải quyết cho. Mong cụ “đĩ bất biến, ứng vạn biến”⁽¹⁾. Chính từ lời căn dặn ấy của Bác, Bộ trưởng Huỳnh Thúc Kháng đã giải quyết suôn sẻ, hiệu quả và rất hợp lòng dân mọi gay cấn ở trong nước và bảo vệ được Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. “Đĩ bất biến, ứng vạn biến” không chỉ là lời căn dặn riêng, mà là một triết lý hành động, một phương châm cách mạng xuyên suốt và nhất quán được Bác Hồ cùng với Đảng thực hiện trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam⁽²⁾.

2. Nội hàm nguyên tắc đối ngoại “đĩ bất biến, ứng vạn biến” trong tư tưởng Hồ Chí Minh

Phát huy truyền thống ngoại giao của dân tộc Việt Nam, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, tư tưởng đối ngoại chiếm một vị trí quan trọng. Tư tưởng đối ngoại của Bác kế thừa những giá trị tốt đẹp của truyền thống dân tộc, tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa nhân loại, đặc biệt là vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin qua quá trình nghiên cứu thực tiễn trong nước và thế giới.

Theo GS, TS Nguyễn Hùng Hậu, “đĩ bất biến, ứng vạn biến” là một vế trong câu đối hoàn chỉnh, mà vế thứ hai là “đĩ chúng tâm vi kỷ tâm” (Lấy tâm chúng sinh làm tâm của mình) trong nền văn hóa, triết học phương Đông. “Đĩ bất biến, ứng vạn biến” tức là lấy cái bất biến (không thay đổi) mà ứng phó với cái vạn biến (cái luôn thay đổi). Ý nghĩa triết lý trên là mọi sự vật, hiện tượng dù phong phú, đa dạng, thay đổi khôn lường, nhưng đều xoay quanh trục của nó, đó là bản thể - “chốt của đạo”. Ý nghĩa nhân sinh sâu xa của triết lý này còn là trong cuộc sống nên nắm giữ cái lớn lao, không nên sa vào những cái vụn vặt, nhất thời, nên đứng ở cái bất biến mà quan sát, từ đó dung hòa, quân bình vạn vật⁽³⁾.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vận dụng một cách khéo léo phương châm “dùng cái bất biến để đương

đầu với cái bất trắc”, nghĩa là dùng cái không thay đổi (cái bất biến) để đương đầu với mọi biến động (bất trắc). Theo đó, cái “bất biến” là lợi ích quốc gia dân tộc, trong đó độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc là những lợi ích cốt lõi, ưu tiên hàng đầu, quan trọng nhất. “Ứng vạn biến” là những phản ứng khéo léo, linh hoạt; kết hợp hài hòa giữa linh hoạt và quyết tâm, chính sách và chiến lược, cương và nhu, chủ động, sáng tạo trong từng tình huống cụ thể; tuy nhiên, bất kể mức độ khó khăn nào đều cần giữ vững các nguyên tắc của mình để đạt được cái “bất biến”. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Nguyên tắc phải vững, nhưng sách lược phải linh hoạt”⁽⁴⁾. Để thực hiện thành công, điều quan trọng là phải đánh giá đúng tình hình quốc tế, khu vực và những tác động của nó đối với Việt Nam, bao gồm cả những thuận lợi/thời cơ và khó khăn/thách thức. Đặc biệt, về chiến lược, cần xác định giới hạn của nhân nhượng/thỏa hiệp để hoạch định chính sách, phương pháp phù hợp, hiệu quả. Kinh nghiệm thực tiễn trong các cuộc kháng chiến chống thực dân, đế quốc cho thấy Việt Nam chỉ có thể giành được lợi thế trên bàn đàm phán trong trường hợp giành được thắng lợi trên chiến trường.

Trong tư tưởng đối ngoại Hồ Chí Minh, những mục tiêu xuyên suốt và nhất quán là bảo đảm lợi ích quốc gia, dân tộc, trong đó độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, thống nhất đất nước, hạnh phúc, tự do của nhân dân là cơ bản. Bác nói “muốn làm gì cũng cần vì lợi ích của dân tộc mà làm”⁽⁵⁾. Để đạt được cái bất biến ấy, những người cách mạng phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, dũng cảm, sáng suốt, mưu lược để xử lý linh hoạt, tài tình muôn vàn cái “vạn biến” mà hoàn cảnh đặt ra. Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: “Mục đích bất di bất dịch của ta vẫn là hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ. Nguyên tắc của ta thì phải vững chắc, nhưng sách lược của ta thì linh hoạt. Các công tác phải phối hợp và liên hệ với nhau, bộ phận phối hợp với toàn cục... Mỗi công tác phải hợp với từng nơi, từng lúc, từng hoàn cảnh”⁽⁶⁾. Để thực hiện “ứng vạn biến” phải luôn mềm dẻo, linh hoạt, sáng tạo trong sách lược, trong từng thời điểm và trên mọi lĩnh vực của cuộc đấu tranh cách mạng. Bác đã kết hợp nhuần nhuyễn và xử lý một cách hoàn hảo mối quan hệ giữa hai vấn đề

tương chừng đối lập: tính kiên định về nguyên tắc, lý tưởng, niềm tin và tính linh hoạt, uyển chuyển trong phương pháp tư duy và hành động. Điều đó làm nên phong cách Hồ Chí Minh: linh hoạt, uyển chuyển, nhưng không xa rời nguyên tắc; cương nghị, cứng rắn về những vấn đề nguyên tắc, nhưng không xơ cứng, sáo mòn. Theo đó, mối quan hệ biện chứng “bất biến” - “ứng vạn biến” đã được Bác nhận thức và giải quyết triệt để, nhất quán và đầy sáng tạo trong các giai đoạn lịch sử khác nhau của dân tộc. Mục tiêu chiến lược là bất di bất dịch; nhưng tùy hoàn cảnh cụ thể ở trong nước, quốc tế và khu vực, tùy từng giai đoạn lịch sử mà đề ra những sách lược uyển chuyển, phù hợp: “Trong thực tiễn hoạt động cách mạng, dĩ bất biến nhưng phải ứng vạn biến, ứng vạn biến không xa rời, vứt bỏ cái bất biến, đó chính là tinh thần biện chứng, duy vật trong phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh”⁽⁷⁾.

Có thể thấy Hồ Chí Minh đã vận dụng nguyên tắc “dĩ bất biến, ứng vạn biến” rất đặc sắc và uyển thâm. Tuy nguyên tắc này không được Bác trình bày, giảng giải cụ thể, nhưng xuyên suốt quá trình hoạt động cách mạng của mình từ những năm bốn ba tìm đường cứu nước đến suốt quá trình lãnh đạo nhân dân làm cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như khi ở cương vị là Chủ tịch nước, Bác đã vận dụng một cách sáng tạo, qua đó góp phần đưa sự nghiệp cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi.

3. Lựa chọn chiến lược của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay trên cơ sở vận dụng nguyên tắc đối ngoại “dĩ bất biến, ứng vạn biến”

Sự vận động của quan hệ quốc tế hiện nay đang làm thay đổi cán cân quyền lực, kéo theo những thay đổi về địa - chính trị trên thế giới. Bước sang thập niên thứ ba của thế kỷ XXI, tình hình thế giới và khu vực đang có những diễn biến phức tạp, khó đoán định; trọng tâm quyền lực đang dịch chuyển từ Tây sang Đông; các nước lớn đều điều chỉnh chiến lược, vừa hợp tác, thỏa hiệp, vừa cạnh tranh và kiềm chế lẫn nhau, trong đó mặt cạnh tranh quyết liệt hơn. Với sự cạnh tranh mạnh mẽ giữa các nước lớn, cùng với đó là tập hợp lực lượng/liên minh, mỗi quốc gia buộc phải lựa chọn các chiến lược để thích ứng. Thế giới cũng đang đứng trước nguy cơ xảy ra một cuộc Chiến tranh Lạnh mới trong tương lai, theo đó, tính

chất của cuộc chiến này phụ thuộc vào sức mạnh của thế trận cân bằng giữa các nước lớn. Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu, quán triệt, vận dụng tư tưởng đối ngoại Hồ Chí Minh nói chung và nguyên tắc “dĩ bất biến, ứng vạn biến” nói riêng để nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc là hết sức quan trọng. Việt Nam cần lựa chọn các chiến lược phù hợp để bảo vệ cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trước sự vận động mới của tình hình quốc tế và khu vực. Trong bối cảnh đó, nguyên tắc đối ngoại “dĩ bất biến, ứng vạn biến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục được kế thừa và vận dụng linh hoạt trong các chủ trương, đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Theo đó, những lựa chọn chiến lược hàng đầu của Việt Nam là:

Thứ nhất, Việt Nam chủ trương kiên định đường lối, chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa trong quan hệ quốc tế. Đại hội XIII khẳng định: “Tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta là phải kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng; bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”⁽⁸⁾. Tính đến nay, Việt Nam có quan hệ với các trung tâm chính trị, kinh tế lớn trên thế giới, quan hệ ngoại giao với 190/193 quốc gia thành viên Liên hợp quốc, thiết lập quan hệ đối tác chiến lược, chiến lược toàn diện và đối tác toàn diện với 30 quốc gia; có quan hệ kinh tế, thương mại với hơn 230 quốc gia và vùng lãnh thổ; là thành viên của hơn 70 tổ chức quốc tế.

Trên cơ sở chính sách “cân bằng nước lớn” và chính sách quốc phòng “bốn không”⁽⁹⁾, Việt Nam tiếp tục tăng cường linh hoạt và hiệu quả trong quan hệ với các nước lớn trong khu vực và trên thế giới nhằm nâng cao vị thế chiến lược của mình. Đó là sự vận dụng đúng đắn quan điểm, tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm tăng cường thế và lực cho cuộc đấu tranh ngoại giao bảo vệ chủ quyền và các lợi ích

chiến lược của đất nước. Tư tưởng đó bao gồm việc liên kết và ràng buộc/đan xen lợi ích với các quốc gia ủng hộ lợi ích hợp pháp của Việt Nam nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực của cạnh tranh giữa các nước lớn. Đồng thời, Việt Nam kiên trì, kiên định, kiên quyết, kiên nhẫn, giữ vững bản lĩnh với những vấn đề có tính chất nguyên tắc, nhất là lợi ích quốc gia - dân tộc, hài hòa với lợi ích của các quốc gia, dân tộc, khu vực và thế giới vì mục tiêu bảo vệ hòa bình, hợp tác phát triển⁽¹⁰⁾.

Phát biểu tại Hội nghị Đối ngoại toàn quốc triển khai Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cho rằng, Việt Nam đã xây dựng nên một trường phái ngoại giao rất đặc sắc và độc đáo của thời đại Hồ Chí Minh, đó là trường phái “ngoại giao cây tre”. Nội hàm của trường phái ngoại giao này là: (i) mềm mại, khôn khéo, nhưng rất kiên cường, quyết liệt; (ii) linh hoạt, sáng tạo, nhưng rất bản lĩnh, kiên định, can trường trước mọi thử thách, khó khăn vì độc lập dân tộc, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân; (iii) đoàn kết, nhân ái, nhưng kiên quyết, kiên trì bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc; (iv) biết nhu, biết cương; biết thời, biết thế; biết mình, biết người; biết tiến, biết thoái, tùy cơ ứng biến trong từng hoàn cảnh cụ thể⁽¹¹⁾.

Trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh triển khai thực hiện đồng bộ, toàn diện các hoạt động đối ngoại và tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, thì nhiệm vụ đối ngoại là “giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao đời sống nhân dân; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; nâng cao vị thế, uy tín của đất nước và đóng góp vào sự nghiệp hòa bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới”⁽¹²⁾. Đây là những chủ trương đúng đắn, kịp thời, sáng suốt của Đảng và Nhà nước Việt Nam, phù hợp với tình hình mới hiện nay.

Thứ hai, để thực hiện thành công các chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng, việc tăng cường xây dựng và phát triển sức mạnh tổng hợp của quốc gia đóng vai trò quyết định. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia bao gồm cả sức mạnh cứng và sức mạnh

mềm, trong đó đặc biệt tập trung vào sức mạnh kinh tế và quốc phòng - an ninh. Hai nhân tố này có mối quan hệ qua lại với nhau: sức mạnh kinh tế tạo điều kiện tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh và ngược lại đảm bảo quốc phòng - an ninh để tập trung phát triển kinh tế. Sức mạnh kinh tế giữ vị trí quan trọng trong cấu thành tiềm lực quốc phòng của quốc gia. Quốc gia có thịnh vượng, quốc phòng có vững chắc hay không phụ thuộc vào sự phát triển của nền kinh tế. Tiềm lực kinh tế còn là tiền đề, là điều kiện cần và đủ để xây dựng các thành tố khác ngày càng vững chắc, đặc biệt là ổn định chính trị, niềm tin của người dân - những nhân tố quyết định thành bại của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tình hình khu vực và thế giới trong thập niên thứ ba của thế kỷ XXI có nhiều biến động mau lẹ, phức tạp, khó lường. Các cuộc chiến tranh gần đây trên thế giới đều là chiến tranh bằng vũ khí công nghệ cao. Do vậy, năng lực quốc phòng của đất nước cần phải được xây dựng sớm, toàn diện ngay trong thời bình, thực hiện phương châm chỉ đạo chiến lược bảo vệ Tổ quốc từ xa, từ khi đất nước chưa nguy, theo đó, đòi hỏi phải có một tiềm lực kinh tế vững mạnh.

Trong bối cảnh hiện nay, việc xác định rõ mối quan hệ biện chứng giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế cũng rất quan trọng. Phải nâng cao năng lực nội tại mới có thể hội nhập thành công, tránh lệ thuộc vào một đối tác, một thị trường; phải xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ; nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế. Văn kiện Đại hội XIII xác định rõ giữ vững độc lập, tự chủ trong việc xác định chủ trương, đường lối chiến lược phát triển kinh tế của đất nước; phát triển kinh tế Việt Nam lớn mạnh trở thành nòng cốt của kinh tế đất nước; giữ vững các cân đối lớn, chú trọng bảo đảm an ninh kinh tế; không ngừng tăng cường tiềm lực kinh tế quốc gia; nâng cao khả năng chống chịu của nền kinh tế trước tác động tiêu cực từ những biến động của bên ngoài; chủ động hoàn thiện hệ thống phòng vệ để bảo vệ nền kinh tế, doanh nghiệp, thị trường trong nước phù hợp với các cam kết quốc tế; thực hiện nhiều hình thức hội nhập kinh tế quốc tế với các lộ trình linh hoạt, phù hợp với điều kiện, mục tiêu của đất nước trong từng giai đoạn...

Bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là quan điểm “bất biến” của Đảng, song trong từng thời điểm, bước ngoặt của cách mạng đều có sự vận dụng phù hợp, sáng tạo để thực hiện tốt quan điểm này. Tại Đại hội XIII, Đảng xác định: củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và toàn dân... Chủ động chuẩn bị về mọi mặt, sẵn sàng các phương án bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và giữ vững ổn định chính trị, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trong mọi tình huống... Chủ động ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa, phát hiện sớm và xử lý kịp thời những nhân tố bất lợi, có thể gây đột biến⁽¹³⁾.

Hiện nay, tình hình thế giới và trong nước có cả những thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen, đặt ra nhiều vấn đề mới, yêu cầu mới nặng nề, phức tạp hơn đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đặt ra cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân phải có cách nhìn nhận, ứng xử hết sức khoa học, khôn khéo, mềm dẻo để “bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi”⁽¹⁴⁾.

Thứ ba, cùng với việc nâng cao sức mạnh tổng hợp của quốc gia, việc xây dựng, củng cố và phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc có ý nghĩa quyết định. Đại đoàn kết toàn dân tộc không đơn thuần chỉ là để giữ vững ổn định chính trị - xã hội, mà điều quan trọng và có ý nghĩa cơ bản, chiến lược lâu dài: đại đoàn kết toàn dân tộc chính là nhằm khai thác, phát huy mọi nguồn lực vật chất và tinh thần của cả dân tộc, phát huy và nhân lên các thế mạnh tạo thành sức mạnh tổng hợp quốc gia to lớn vượt qua mọi khó khăn, thử thách, hoàn thành mục tiêu tổng quát mà Đại hội XIII của Đảng đã xác định.

Thực tiễn cho thấy, tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại đã phát huy hiệu quả to lớn trong công cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và bảo vệ Tổ quốc và vẫn còn nguyên giá trị đối với sự nghiệp xây

dựng, bảo vệ Tổ quốc của Việt Nam hiện nay. Việc nghiên cứu, quán triệt, thấm nhuần tư tưởng đối ngoại Hồ Chí Minh nói chung, nguyên tắc “đi bất biến, ứng vạn biến” nói riêng để vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể hiện nay có ý nghĩa thiết thực và quan trọng. Theo đó, sự vận dụng nguyên tắc “đi bất biến, ứng vạn biến” được thể hiện thông qua: (i) kiên định thực hiện các chủ trương, đường lối chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước; (ii) nâng cao sức mạnh tổng hợp của đất nước, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế và quốc phòng - an ninh; (iii) xây dựng, củng cố và phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân./.

(1) Võ Nguyên Giáp (2018), *Những chặng đường lịch sử*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, tr.498

(2) Lê Ái Bình, “*Đi bất biến, ứng vạn biến*” của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Một chân lý về phương châm cách mạng Việt Nam, [http://truongchinhtrithanhhoa.gov.vn/web/hoc-tap-tu-tuong-ho-chi-minh/di-bat-bien-ung-van-bien-cua-chu-tich-ho-chi-minh-mot-chan-ly-ve-phuong-cham-cach-mang-viet-nam\(1\).html](http://truongchinhtrithanhhoa.gov.vn/web/hoc-tap-tu-tuong-ho-chi-minh/di-bat-bien-ung-van-bien-cua-chu-tich-ho-chi-minh-mot-chan-ly-ve-phuong-cham-cach-mang-viet-nam(1).html), truy cập ngày 02.7.2022.

(3) Nguyễn Hùng Hậu (2009) *Từ triết lý “Đi bất biến, ứng vạn biến” đến triết lý hành động Hồ Chí Minh*, <https://tuyengiao.vn/tuyen-truyen/tu-triet-ly-di-bat-bien-ung-van-bien-den-triet-ly-hanh-dong-ho-chi-minh-15407>, truy cập ngày 05.7.2022.

(4), (6) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, T.8, tr.555, 555

(5) Nguyễn Dy Niên (2002), *Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.112.

(7) Đặng Xuân Kỳ (2004), *Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội, tr.104.

(8) Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập I, tr.33.

(9) Bộ Quốc phòng nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2019), *Sách Trắng quốc phòng Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.25.

(10) Phát biểu của Thủ tướng Phạm Minh Chính tại Hội nghị tổng kết nhiệm kỳ Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2020 - 2021.

(11) Thái Văn Long (2022), *Nét đặc sắc của “ngoại giao cây tre” Việt Nam*, <https://hcma.vn/khoa-hoc-thong-tin-tu-lieu/Pages/gioi-thieu-sach-cua-TBT.aspx?ItemId=32166&CateID=0>, truy cập ngày 05/7/2022.

(12) Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng (2021), *Tài liệu học tập các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*, Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.65.

(13) Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng (2021), *Tài liệu học tập các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.61.